

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-4-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Hoa Lư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phát Triển

Ông Nguyễn Chí Công.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Phát Đạt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023 tại phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2022/TLST-HNGĐ, ngày 29/12/2022 “V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 153/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 23/3/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Thị Hồng P, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: 05, ấp An Hòa, xã An Hiệp, huyện C T, tỉnh Đ T.

2. *Bị đơn:* Phan Lương Tsinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: 100, ấp T Thuận B, xã T D, huyện LV, tỉnh Đ T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/11/2022, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Lê Thị Hồng P trình bày:

* *Về hôn nhân:* Chị P và anh T tìm hiểu đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 01/8/2008 tại Ủy ban nhân dân xã T D, huyện L V, tỉnh Đ T. Sống chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng càng ngày không hợp nhau. Chị P đã về cha mẹ ruột ở Châu Thành sống từ năm 2021 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị P yêu cầu Tòa án cho

được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên , sinh ngày 08/6/2009. Chị P yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ khi ly hôn: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn Phan Lương T: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt lần 2 tại phiên tòa không có lý do và không có ý kiến phản bác yêu cầu của nguyên đơn.

Tại tờ tường trình ngày 27/12/2022 Phan Lương T có ý kiến được sống với chị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Lê Thị Hồng P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa Lê Thị Hồng P và Phan Lương T, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”; thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Phan Lương T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp và phiên tòa không có lý do. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Lê Thị Hồng P và Phan Lương T tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 23/6/2009, tại Ủy ban nhân dân xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hơn nữa anh T không lo lắng chăm sóc gì cho vợ, con vì thế mà chị P đã về cha mẹ ruột ở Châu Thành sống từ năm 2021 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Mặc dù, Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng chị P vẫn cương quyết ly hôn với anh T. Đối với anh T từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa anh T vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản bác gì đối với yêu cầu của chị P. Điều đó cho thấy anh T đã từ bỏ cuộc hôn nhân này với chị P, không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị P và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, cho nên

việc chị P yêu cầu ly hôn là thỏa mãn các điều kiện theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P là có căn cứ.

[3] Về con chung: Có hai 01 người con Phan Lương T, sinh ngày 08/6/2009 hiện đang sống với chị P, chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Yêu cầu này của chị P là có cơ sở bởi lẽ, điều này phù hợp với nguyện vọng của Lương Tấn được sống với chị P và phù hợp với thực tế là từ khi xa nhau đến nay con sống chung với chị P được chị P nuôi dưỡng chu đáo, để ổn định cho Phan Lương T. Hội đồng xét xử cần giao con chung Phan Lương T, sinh ngày 08/6/2009 cho chị P được tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng chị P yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở theo quy định. Yêu cầu này phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật, bởi lẽ giao con cho chị P nuôi dưỡng, anh T là cha là người không trực tiếp chăm sóc nuôi con thì có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là Phan Lương T có đến khi Tấn đủ 18 tuổi, mức cấp dưỡng là $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở theo quy định.

[4] Về tài sản chung: chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ khi ly hôn: Không có, không xem xét giải quyết.

Anh Phan Lương T từ khi thụ lý vụ án đến nay mặc dù Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định trong đó có việc thông báo cho anh T biết việc tình trạng tài sản chung và nợ khi ly hôn nhưng anh T cũng không có ý kiến hay phản bác yêu cầu của chị P về vấn đề tài sản chung và nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn Lê Thị Hồng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình là 300.000 đồng, anh T phải chịu án phí về cấp dưỡng là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho Lê Thị Hồng P được ly hôn với Phan Lương T.
2. Về con chung: Giao con chung tên Phan Lương T, sinh ngày 08/6/2009 cho chị P nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Anh Phan Lương T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là Phan Lương T sinh ngày 08/6/2009 mỗi tháng là $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở theo quy định, thời gian cấp dưỡng tính từ 01/5/2023 cho đến khi Phan Lương T đủ 18 tuổi.

Chị Lê Thị Hồng P cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Phan Lương T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Lê Thị Hồng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng . Được khấu trừ 300.000 đồng mà Lê Thị Hồng P đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0015606, ngày 27/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L V, tỉnh Đ T. (Lê Thị Hồng P đã nộp xong).

Anh Phan Lương T phải chịu án phí về cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/4/2023). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1/

2/

Tô Thị Hoa Lư